

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,
tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-20

010
C
ACH
KI
/S

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,
tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thi	Ủy viên
Ông Chử Ngọc Lai	Ủy viên
Ông Trần Văn Vĩ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/01/2014)
Ông Đàm Đức Thông	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/01/2014)
Ông Mai Văn Long	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/01/2014)
Bà Đỗ Thị Lan	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/01/2014)

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tiến	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

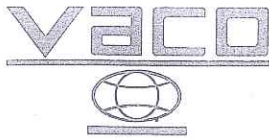
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Thắng
Giám đốc

Yên Bái, ngày 12 tháng 02 năm 2015



Số: 050/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng được lập ngày 12/02/2015, từ trang 04 đến trang 20 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2014 tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn đang lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 19.581.768.835 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 25.118.490.819 đồng) có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Việc mất cân đối khả năng thanh toán của Công ty đã tồn tại từ các năm trước, chủ yếu do ảnh hưởng của chi phí lãi vay quá lớn dẫn đến kết quả kinh doanh luôn trong tình trạng lỗ. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đã có các kế hoạch xử lý như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 "Giả định hoạt động liên tục". Tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc vào nhiều yếu tố liên quan, tại thời điểm phát hành báo cáo này, các chủ sở hữu của Công ty chưa có các cam kết nào về việc hỗ trợ tài chính và các tín chấp (nếu có) cho việc huy động các nguồn tài chính bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chúng tôi không đưa ra ý kiến đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ các khoản trả trước cho người bán và phải trả người bán, cụ thể như sau: Trả trước cho người bán chưa được đối chiếu là 7.238.161.582 đồng, chiếm 97% (tại ngày 01/01/2014 là 6.985.665.582 đồng, chiếm 92%) và số phải trả người bán chưa được đối chiếu là 14.119.862.818 đồng, chiếm 96% (tại ngày 01/01/2014 là 18.427.113.287 đồng, chiếm 94%). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tổ máy số 2 của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 1 được bàn giao đưa vào sử dụng ngày 30/12/2013 theo Biên bản bàn giao số 03-HTHMCT, Công ty thực hiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và bắt đầu khấu hao từ ngày 01/01/2014. Giá trị kết chuyển tăng nguyên giá tài sản cố định của Tổ máy 2 được xác định theo giá dự toán. Trong thời gian tới, Công ty sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm nguyên giá tài sản cố định là Tổ máy 2 khi có quyết toán chính thức. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Phần chi phí vượt dự toán của Tổ máy 1, 2 và 3 đang được Công ty treo lại trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 59.855.389.894 đồng. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các nhà thầu để làm rõ các khoản chi phí vượt dự toán này để có phương án xử lý dứt điểm trong thời gian tới. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-156-2013-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Vũ Kim Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2336-2013-156-1



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Hồng Khai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 150)	100		17.045.111.073	15.724.697.080
I. Tiền và các khoản trong đường tiền	110	5	6.561.321.468	1.232.082.288
1. Tiền	111		6.561.321.468	1.232.082.288
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.313.836.783	14.352.982.831
1. Phải thu khách hàng	131	6	3.210.826.931	7.047.710.744
2. Trả trước cho người bán	132		7.485.665.582	7.604.958.054
3. Các khoản phải thu khác	135		174.844.270	235.314.033
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(557.500.000)	(535.000.000)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.952.822	139.631.961
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		169.952.822	139.631.961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		291.579.368.233	305.438.686.173
I. Tài sản cố định	220		290.330.056.713	303.206.968.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	230.474.666.819	157.915.002.407
- Nguyên giá	222		246.365.288.081	164.648.343.993
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.890.621.262)	(6.733.341.586)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	59.855.389.894	145.291.965.629
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.249.311.520	2.231.718.137
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.249.311.520	2.231.718.137
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		308.624.479.306	321.163.383.253



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên,
tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		247.844.203.319	253.428.668.267
I. Nợ ngắn hạn	310		36.626.879.908	40.843.187.899
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		14.707.763.228	19.637.164.213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	2.102.841.118	1.018.933.606
4. Phải trả người lao động	315		973.093.223	1.115.568.544
5. Chi phí phải trả	316		280.321.507	164.409.078
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	2.562.860.832	2.907.112.458
II. Nợ dài hạn	330		211.217.323.411	212.585.480.368
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	87.360.600.727	72.728.757.684
2. Vay và nợ dài hạn	334	13	123.856.722.684	139.856.722.684
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		60.780.275.987	67.734.714.986
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	60.780.275.987	67.734.714.986
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.625.720.000	74.625.720.000
2. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(13.845.444.013)	(6.891.005.014)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		308.624.479.306	321.163.383.253


CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại (USD)	253,93	267,13



Lê Mạnh Thăng
Giám đốc
Yên Bái, ngày 12 tháng 02 năm 2015


Nguyễn Xuân Trọng
Kế toán trưởng


Cao Minh Xuân
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		32.225.161.784	21.971.639.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	32.225.161.784	21.971.639.885
4. Giá vốn	11	16	14.755.660.330	8.631.293.859
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.469.501.454	13.340.346.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	18.694.731	40.945.721
7. Chi phí tài chính - Bao gồm: Chi phí lãi vay	22	19	20.245.013.371	16.870.651.433
			19.999.991.960	16.579.001.594
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.212.968.182	3.401.645.328
9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (22 + 25)}	30		(6.969.785.368)	(6.891.005.014)
10. Thu nhập khác	31		18.418.271	-
11. Chi phí khác	32		3.071.902	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		15.346.369	-
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(6.954.438.999)	(6.891.005.014)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	21	-	-
16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.954.438.999)	(6.891.005.014)
17. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(932)	(923)



Lê Mạnh Thắng
Giám đốc
Yên Bái, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Xuân Trọng
Kế toán trưởng

Cao Minh Xuân
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.954.438.999)	(6.891.005.014)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		29.174.353.533	22.831.934.400
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.157.279.676	5.598.644.179
- Các khoản dự phòng	03	22.500.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	13.276.628	695.234.348
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.694.731)	(40.945.721)
- Chi phí lãi vay	06	19.999.991.960	16.579.001.594
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	22.219.914.534	15.940.929.386
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.986.325.187	11.528.879.956
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	2.064.683.670	(1.150.717.071)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	982.406.617	400.444.641
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.667.285.361)	(6.020.376.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.586.044.647	20.699.160.056
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.275.500.198)	(4.897.894.747)
2. Tiền thu lãi cho vay	27	18.694.731	40.945.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.256.805.467)	(4.856.949.026)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.000.000.000)	(15.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.000.000.000)	(15.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.329.239.180	342.211.030
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	1.232.082.288	889.871.258
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6.561.321.468	1.232.082.288



Lê Minh Thăng
Giám đốc

Yên Bái, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Xuân Trọng
Kế toán trưởng

Cao Minh Xuân
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc (đập thủy điện)	30
Máy móc thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải	6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Các khoản chi phí trước khi đưa nhà máy vào hoạt động được phân bổ trong thời gian 3 năm; Giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 được phân bổ không quá 3 năm. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi đi vào sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2013 là năm đầu tiên Công ty có doanh thu và Công ty vẫn chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty còn khoản lỗ tính thuế lũy kế là 13.845.444.013 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	219.149.587	25.996.589
Tiền gửi ngân hàng	6.342.171.881	1.206.085.699
	<u>6.561.321.468</u>	<u>1.232.082.288</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc Việt Nam	3.210.826.931	7.047.710.744
	<u>3.210.826.931</u>	<u>7.047.710.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Thôn 6, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09 - DN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2014	124.497.144.080	39.009.744.095	1.141.455.818	164.648.343.993
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	62.248.572.040	19.468.372.048	-	81.716.944.088
Số dư tại 31/12/2014	186.745.716.120	58.478.116.143	1.141.455.818	246.365.288.081
HAO MÒN LUY KẾ				
Số dư tại 01/01/2014	3.787.345.915	1.804.539.853	1.141.455.818	6.733.341.586
Khấu hao trong năm	6.224.857.204	2.932.422.472	-	9.157.279.676
Số dư tại 31/12/2014	10.012.203.119	4.736.962.325	1.141.455.818	15.890.621.262
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2014	120.709.798.165	37.205.204.242	-	157.915.002.407
Số dư tại 31/12/2014	176.733.513.001	53.741.153.818	-	230.474.666.819

Theo Biên bản số 03-HTHMCT ngày 30/12/2013, Công ty xác định thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng của Tổ máy số 2 là ngày 01/01/2014 và quyết định ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng với Tổ máy số 2 và bắt đầu khấu hao từ ngày 01/01/2014.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 1.141.455.818 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 1.141.455.818 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	145.291.965.629	304.297.745.401
Tăng trong năm	185.105.029	15.253.348.770
Giảm trừ giá trị đầu tư (i)	(3.904.736.676)	(10.825.240.366)
Kết chuyển sang tài sản cố định (ii)	(81.716.944.088)	(163.433.888.176)
Tại ngày 31 tháng 12	59.855.389.894	145.291.965.629

Ghi chú:

- (i) Giảm trừ giá trị đầu tư theo giá trị quyết toán công trình ngày 01/11/2014 với Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Hà Trưng Khánh - Trung Quốc.
- (ii) Công ty kết chuyển giá trị đầu tư Tổ máy số 2 sang tài sản cố định theo Biên bản bàn giao số 03-HTHMCT ngày 30/12/2013, giá trị kết chuyển sang tài sản cố định của tổ máy nêu trên được xác định theo giá trị dự toán, phần chi phí vượt dự toán đang được Công ty treo lại trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Tổng giá trị Tổ máy số 2 đã kết chuyển tăng nguyên giá tài sản cố định là 81.716.944.088 đồng.

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng công trình:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổ máy 2	-	81.716.944.088
Chi phí xây dựng vượt dự toán	59.855.389.894	63.575.021.541
	59.855.389.894	145.291.965.629

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.231.718.137	2.540.781.296
Tăng trong năm	132.345.455	786.615.830
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(1.114.752.072)	(1.095.678.989)
Tại ngày 31 tháng 12	1.249.311.520	2.231.718.137

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	956.242.624	376.086.769
Thuế thu nhập cá nhân	28.695.492	79.326.341
Thuế tài nguyên	79.923.422	141.016.336
Các khoản phí, lệ phí	1.037.979.580	422.504.160
	2.102.841.118	1.018.933.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn	38.856.871	83.972.053
Lãi vay ngắn hạn phải trả NHTMCP Đại chúng VN	2.524.003.961	2.823.140.405
	2.562.860.832	2.907.112.458

12. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi cơ cấu vay dài hạn phải trả NHTMCP Đại chúng VN	87.360.600.727	72.728.757.684
	87.360.600.727	72.728.757.684

Theo Phụ lục hợp đồng số 52/TDĐT-DH/PVFC06/PL12 ngày 30/11/2012 giữa Công ty và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam). Theo đó, nợ gốc và lãi vay phát sinh của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 52/TDĐT-DH/PVFC06 ngày 22/11/2006 nếu chưa trả hết thì số tiền chưa trả được điều chỉnh trả nợ vào ngày trả nợ cuối cùng là 12/09/2022. Do vậy, số dư cuối kỳ phản ánh lũy kế lãi vay cơ bản phát sinh của năm 2011, năm 2012, năm 2013 và năm 2014 chưa trả đến ngày 31/12/2014.

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	123.856.722.684	139.856.722.684
	123.856.722.684	139.856.722.684

Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 52/TDĐT-DH/PVFC06 với Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PV Combank) ngày 22/11/2006 và phụ lục hợp đồng ngày 30/11/2012 để thực hiện dự án Công trình Thủy điện Ngòi Hút 1 với hạn mức vay là 185.000.000.000 đồng. Khoản vay sẽ được trả 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Tiến độ trả nợ theo Lịch trả nợ được gửi. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 4%/năm, tối thiểu bằng lãi suất sử dụng vốn tối thiểu tham khảo do PV Combank ban hành tại từng thời điểm và tối đa bằng lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó lãi suất tham chiếu là lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PV Combank); lãi suất từng kỳ trong năm 2014 theo từng lần thông báo lãi của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị tài sản cố định của dự án bao gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ máy móc thiết bị để xây dựng dự án và toàn bộ nguồn thu từ việc bán sản phẩm của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Từ năm thứ hai tới năm thứ năm	64.000.000.000	64.000.000.000
Sau năm năm	59.856.722.684	75.856.722.684
Cộng	139.856.722.684	155.856.722.684
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	16.000.000.000	16.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	123.856.722.684	139.856.722.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012	74.625.720.000	(695.234.348)	-	73.930.485.652
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	-	(6.891.005.014)	(6.891.005.014)
Chênh lệch tỷ giá	-	695.234.348	-	695.234.348
Tại ngày 31/12/2013	74.625.720.000	-	(6.891.005.014)	67.734.714.986
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	-	(6.954.438.999)	(6.954.438.999)
Tại ngày 31/12/2014	74.625.720.000	-	(13.845.444.013)	60.780.275.987

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 04/08/2006; thay đổi lần thứ sáu ngày 19/04/2012, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 74.625.720.000 đồng. Tại ngày 31/12/2014, số vốn các cổ đông đã góp như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014		Vốn đã góp tại ngày 01/01/2014	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	36.498.220.000	48,91	36.498.220.000	48,91
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	32.887.500.000	44,07	32.887.500.000	44,07
Các cổ đông khác	5.240.000.000	7,02	5.240.000.000	7,02
	74.625.720.000	100	74.625.720.000	100

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.462.572	7.462.572
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.462.572	7.462.572
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.225.161.784	21.971.639.885
	32.225.161.784	21.971.639.885
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.225.161.784	21.971.639.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ VỐN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.755.660.330	8.631.293.859
	14.755.660.330	8.631.293.859

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	883.007.289	507.017.664
Chi phí nhân công	3.866.001.946	3.371.049.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.157.279.676	5.598.644.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.586.607.491	1.644.167.716
Chi phí khác bằng tiền	2.475.732.110	912.060.471
	18.968.628.512	12.032.939.187

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	18.694.731	40.945.721
	18.694.731	40.945.721

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	19.999.991.960	16.579.001.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.276.628	59.905.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	231.744.783	231.744.784
	20.245.013.371	16.870.651.433

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.954.438.999)	(6.891.005.014)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(6.954.438.999)	(6.891.005.014)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến các khoản mục sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
2013	2014 - 2018	6.891.005.014	-	6.891.005.014
2014	2014 - 2019	6.954.438.999	-	6.954.438.999
Cộng		13.845.444.013	-	13.845.444.013

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

22. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.954.438.999)	(6.891.005.014)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	7.462.572	7.462.572
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của Công ty	<u>(932)</u>	<u>(923)</u>

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	139.856.722.684	155.856.722.684
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.561.321.468	1.232.082.288
Nợ thuần	133.295.401.216	154.624.640.396
Vốn chủ sở hữu	74.625.720.000	74.625.720.000
	<u>1,79</u>	<u>2,07</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính:

	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	6.561.321.468	-	1.232.082.288	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.385.671.201	(557.500.000)	7.283.024.777	(535.000.000)
Tài sản tài chính khác	169.952.822	-	139.631.961	-
	10.116.945.491	(557.500.000)	8.654.739.026	(535.000.000)
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ tài chính				
Vay và nợ			139.856.722.684	155.856.722.684
Phải trả người bán và phải trả khác			104.631.224.787	95.273.034.355
Chi phí phải trả			280.321.507	164.409.078
			244.768.268.978	251.294.166.117

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro tỷ giá

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận, dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền	6.561.321.468	-	-	6.561.321.468
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.828.171.201	-	-	2.828.171.201
Tài sản tài chính khác	169.952.822	-	-	169.952.822
	9.559.445.491	-	-	9.559.445.491
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	16.000.000.000	64.000.000.000	59.856.722.684	139.856.722.684
Phải trả người bán và phải trả khác	31.902.467.103	-	72.728.757.684	104.631.224.787
Chi phí phải trả	280.321.507	-	-	280.321.507
	48.182.788.610	64.000.000.000	132.585.480.368	244.768.268.978
Chênh lệch thanh khoản thuần	(38.623.343.119)	(64.000.000.000)	(132.585.480.368)	(235.208.823.487)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền	1.232.082.288	-	-	1.232.082.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.748.024.777	-	-	6.748.024.777
Tài sản tài chính khác	139.631.961	-	-	139.631.961
	8.119.739.026	-	-	8.119.739.026
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	16.000.000.000	64.000.000.000	75.856.722.684	155.856.722.684
Phải trả người bán và phải trả khác	7.912.433.628	-	87.360.600.727	95.273.034.355
Chi phí phải trả	164.409.078	-	-	164.409.078
	24.076.842.706	64.000.000.000	163.217.323.411	251.294.166.117
Chênh lệch thanh khoản thuần	(15.957.103.680)	(64.000.000.000)	(163.217.323.411)	(243.174.427.091)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, do việc cơ cấu lại lịch trả nợ của các khoản vay nên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	277.545.600	288.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	695.770.061	682.171.139
	<u>973.315.661</u>	<u>970.171.139</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐ ngày 26/03/2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái. Theo đó, Công ty thuê diện tích đất 271.667 m² với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 22/06/2007 đến hết ngày 22/06/2057, tiền thuê đất được trả hàng năm.

Cục thuế tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 117/QĐ-CT ngày 22/01/2009 về việc Công ty được miễn tiền thuê đất phải nộp trong 11 năm, từ ngày 01/07/2007 đến ngày 01/07/2018.

26. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Do Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 1 đang tiến hành lập Báo cáo quyết toán dự án, dẫn đến tồn tại một số khoản phải thu do ứng trước tiền cho các nhà thầu và một số khoản nợ phải trả cho các nhà thầu chưa được thanh toán. Cùng với việc các khoản phải thu, phải trả này cũng chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm 31/12/2014 nên có thể phát sinh thêm các khoản công nợ phải trả các nhà thầu (nếu có) khi quyết toán dự án. Công ty sẽ điều chỉnh tăng/giảm nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán cuối cùng với các nhà thầu trong thời gian tới.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.



Lê Mạnh Thăng
Giám đốc

Yên Bái, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Xuân Trọng
Kê toán trưởng

Cao Minh Xuân
Người lập